TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CG
TỈNH LA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 72/2023/HSST
Ngày: 14-7-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CG – TỈNH LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Bảo.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Công Danh.

Ông Nguyễn Minh Chí.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thanh X – Thư ký Tòa án nhân dân huyện CG.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CG: Ông Đỗ Ngọc L – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện CG, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 66/2023/TLST - HS ngày 19 tháng 6 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2023/QĐXXST-HS, ngày 26 tháng 6 năm 2023 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Võ H**, sinh năm: 1986.

Nơi thường trú: 246 Bùi Đình Túy, Phường 24, quận Bình Thạnh, Tp. HC; Nơi tạm trú: 68D Gò Cát, phường Phú Hữu, thành phố TĐ, Tp. HC; Nghề nghiệp: không; Trình độ học vấn: 11/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Võ Thanh Hải và bà Tống Thị Thu Hà (đã chết); Bản thân có vợ tên Trần Thị Thu Ngân, có 02 con, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2018; Tiền án: Ngày 30/3/2010, bị Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Tp. HC xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"*, chấp hành xong hình phạt tù ngày 10/3/2012; Ngày 10/02/2015, bị Tòa án nhân dân Quận 9, Tp. HC xử phạt 02 năm tù về tội *"Trộm cắp tài sản"*, chấp hành xong hình phạt tù ngày 06/7/2016 và Ngày 26/01/2018, bị Tòa án nhân dân Quận 9, Tp. HC xử phạt 02 năm tù về tội *"Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"*, chấp hành xong hình phạt tù ngày 29/9/2019, chưa được xóa án tích do chưa đóng án phí hình sự sơ thẩm; Tiền sự: không; Về nhân thân: Ngày 30/3/2023, bị Công an huyện Cần Đước, tỉnh LA khởi tố về hành vi

"Tàng trữ trái phép chất ma túy" đang trong giai đoạn điều tra. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/01/2023 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

Họ và tên: **Trần Thị H1**, sinh năm: 1997.

Nơi thường trú: Ấp 2, xã Long Định, huyện CĐ, tỉnh LA; Nơi tạm trú: ấp Long H, xã Long Thượng, huyện CG, tỉnh LA; Nghề nghiệp: buôn bán; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Mai Thanh Nh (đã chết) và bà Trần Thị TH1; Bản thân có cH3ng tên Trần Điêu Khắc (đã ly hôn), có 02 con, lớn sinh năm 2018; nhỏ sinh năm 2023; Tiền án- tiền sự: không; Về nhân thân: Ngày 30/3/2023, bị Công an huyện Cần Đước, tỉnh LA khởi tố về hành vi *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"* đang trong giai đoạn điều tra. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại:

1/ Lê Thị Ngh, sinh năm: 1986 (có mặt).

Cư trú: ấp Tân Chánh, xã Tân Tập, huyện CG, tỉnh LA.

2/ Triệu Thanh X, sinh năm: 1972 (vắng mặt).

Cư trú: ấp Vĩnh Hòa, xã Tân Tập, huyện CG, tỉnh LA.

3/ Nguyễn Tiến Đ, sinh năm: 1997 (vắng mặt).

Cư trú: ấp Long Mỹ, xã Mỹ Lệ, huyện CG, tỉnh LA.

Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan:

1/ Trần Thành L, sinh năm: 1983 (vắng mặt).

Cư trú: ấp Tân Chánh, xã Tân Tập, huyện CG, tỉnh LA.

2/ Nguyễn Thị Ngọc L1, sinh năm: 1975 (vắng mặt).

Cư trú: 86/6 Nguyễn Duy Trinh, phường Bình Trưng Tây, Tp. TĐ, Tp. HC.

3/ Lê Ngọc H3, sinh năm: 1992 (vắng mặt).

Cư trú: Khu phố 3, thị trấn CG, huyện CG, tỉnh LA.

Người làm chứng:

1/ Nguyễn Hữu Tr, sinh năm: 2001 (vắng mặt).

Cư trú: ấp Bắc, xã Đông Thạnh, huyện CG, tỉnh LA.

2/ Võ Minh Nh, sinh năm: 2004 (vắng mặt).

Cư trú: ấp Tân Quang 1, xã Đông Thạnh, huyện CG, tỉnh LA.

3/ Phạm Chí C, sinh năm: 1998 (vắng mặt).

Cư trú: khu phố Kim Điền, thị trấn CG, huyện CG, tỉnh LA.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong H3 sơ vụ án và qua quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ ngày 17/11/2022 đến ngày 23/01/2023, Võ H là người đã tái phạm nguy hiểm, chưa được xóa án tích và Trần Thị H1 đã thống nhất cùng nhau thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện CG, tỉnh LA, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng 22 giờ ngày 17/11/2022, Võ H điều khiển xe mô tô biển số 59S3-346.87 chở Trần Thị H1 đi từ nhà trọ ở xã Long Trạch, huyện Cần Đước đến huyện CG tìm tài sản bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Đến khoảng 02 giờ 30 phút ngày 18/11/2022 khi đi đến đường tỉnh lộ 830 thuộc ấp Tân Chánh, xã Tân Tập, huyện CG thì H phát hiện xe mô tô biển số 62M1-244.75 (bên trong cốp xe có giấy chứng nhận đăng kí xe mô tô mang tên Trần Thành L, giấy phép lái xe và thẻ ATM) của bà Lê Thị Ngh đang đậu trước tiệm tạp hóa Diệu Hiền, không có người trông coi, H1 đứng ngoài cảnh giới còn H đi bộ lại gần xe mô tô dùng đoản đã chuẩn bị sẵn bẻ khóa xe, rồi đề máy tẩu thoát về hướng Tp. HC, còn H1 điều khiển xe chạy theo sau. H chạy xe đến bến xe An Sương, Tp. HC bán xe cho một người đàn ông (không rõ họ tên, địa chỉ) với giá 3.000.000 đồng rồi điều khiển xe chở H1 về nhà. Số tiền có được cả hai đã tiêu xài cá nhân hết.

Tại Kết luận định giá tài sản số 08/KL-HĐĐGTS ngày 03/02/2023 của Hội đồng định giá trong tố tụng huyện CG kết luận: 01 (một) xe mô tô hiệu Honda, loại Airblade, màu vàng-đen, biển số 62M1-244.75 (Tài sản chưa thu H3i được) có giá trị là 15.166.000 đồng *(Mười lăm triệu một trăm sáu mươi sáu nghìn đồng)*.

Vụ thứ hai: Vào khoảng 22 giờ ngày 23/12/2022, Võ H điều khiển xe mô tô biển số 59S3-346.87 chở Trần Thị H1 đi từ nhà trọ ở xã Long Trạch, huyện Cần Đước đến huyện CG tìm tài sản bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Đến khoảng 01 giờ 30 phút ngày 24/12/2022 khi đi đến cảng quốc tế LA thuộc ấp Vĩnh Hòa, xã Tân Tập, huyện CG thì H phát hiện xe mô tô hiệu Honda, biển số 59C2-292.84 (bên trong cốp xe có giấy chứng nhận đăng kí xe mô tô mang tên Nguyễn Thị Ngọc L1) của ông Triệu Thanh X đang đậu phía trước văn phòng Công ty Nam Phương, không có người trông coi, H1 đứng ngoài cảnh giới còn H đi bộ lại gần xe mô tô dùng đoản đã chuẩn bị sẵn bẻ khóa xe rồi đề máy tẩu thoát về hướng Tp. HC, còn H1 điều khiển xe chạy theo sau. H chạy xe đến bến xe An Sương, Tp. HC bán xe cho một người đàn ông (không rõ họ tên, địa chỉ) với giá 3.000.000 đồng rồi điều khiển xe mô tô chở H1 về nhà. Số tiền có được cả hai đã tiêu xài cá nhân hết.

Tại Kết luận định giá tài sản số 09/KL-HĐĐGTS ngày 03/02/2023 của Hội đồng định giá trong tố tụng huyện CG kết luận: 01 (một) xe mô tô hiệu Honda, loại Airblade, màu đen-vàng, biển số 59C2-292.84 (Tài sản chưa thu H3i được) có giá trị là 10.500.000 đồng (*Mười triệu năm trăm nghìn đồng*).

Vụ thứ ba: Vào khoảng 21 giờ ngày 23/01/2023, Võ H điều khiển xe mô tô, biển số 59S3-346.87 chở Trần Thị H1 đến địa bàn huyện CG tìm tài sản bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Đến khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày, khi đi ngang qua tỉnh lộ 830 thuộc Ấp 1, xã LA, huyện CG thì phát hiện xe mô tô biển số 63P1-287.94 của anh Nguyễn Tiến Đ đang đậu trước nhà có cắm sẵn chìa khóa trên xe, không có người trông coi, H1 đứng ngoài cảnh giới còn H đi bộ lại gần chiếc xe mô tô đề máy tẩu thoát về hướng xã Đông Thạnh thì bị người dân phát hiện truy đuổi khi đến đoạn đường thuộc ấp Tân Quí, xã Tân Tập, huyện CG thì khống chế bắt giữ H cùng tang vật.

Tại Kết luận định giá tài sản số 06/KL-HĐĐGTS ngày 30/01/2023 của Hội đồng định giá trong tố tụng huyện CG kết luận: 01 (một) xe mô tô hiệu Honda, loại Future FI, màu xanh-bạc, biển số 63P1-287.94 (Tài sản thu H3i được) có giá trị là 23.333.000 đồng *(Hai triệu ba trăm ba mươi ba nghìn đồng).*

Tại Bản cáo trạng số 70/CT-VKSCG ngày 19/6/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện CG truy tố bị cáo H về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự và bị cáo H1 về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như Bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 50 và Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Võ H từ 03 năm đến 04 năm tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm n, r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Trần Thị H1 từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với hai bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Đề nghị áp dụng quy định tại Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật hình sự để xử lý tang vật thu giữ:

Đề nghị tịch thu tiêu hủy: 04 (bốn) đoạn lục giác bằng kim loại; 01 (một) đoạn tứ giác bằng kim loại màu vàng; 01 (một) cần bằng kim loại màu đen-trắng.

Đề nghị tịch thu sung nộp ngân sách Nhà nước: 01 (một) xe môtô hiệu Honda, biển số: 59S3-346.87 là tài sản của bị cáo H sử dụng làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội.

Đề nghị áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584; 585; 586 và Điều 589 Bộ luật dân sự.

Về trách nhiệm dân sự: buộc bị cáo Võ H và Trần Thị H1 phải liên đới bồi thường cho ông Triệu Thanh X số tiền 10.500.000 đồng (mười triệu năm trăm ngàn đồng) và bà Lê Thị Ngh số tiền 15.166.000 đồng (mười lăm triệu một trăm sáu mươi sáu ngàn đồng). Riêng bị hại anh Nguyễn Tiến Đ không yêu cầu bồi thường, nên đề nghị không xem xét.

Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT tạm giữ và hoàn trả: 01 (một) xe môtô hiệu Honda, loại Future FI, biển số 63P1-287.94 do là tài sản hợp pháp của người có quyền L và nghĩa vụ liên quan Lê Ngọc H3, là phù hợp.

Hai bị cáo không có ý kiến tranh luận. Bị hại có mặt không có ý kiến tranh luận

Hai bị cáo nói lời sau cùng là xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong H3 sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện CG, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện CG, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục, quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trong khoảng thời gian từ ngày 17/11/2022 đến ngày 23/01/2023, bị cáo H và H1 đã thống nhất cùng nhau thực hiện 03 vụ *"Trộm cắp tài sản"* trên địa bàn huyện CG, tỉnh LA, cụ thể như sau: ngày 18/11/2022, lấy trộm 01 xe mô tô biển số 62M1-244.75 của bà Lê Thị Ngh (do ông Trần Thành L đứng tên chủ xe), trị giá 15.166.000 đồng; ngày 24/12/2023, lấy trộm 01 xe mô tô biển số 59C2-292.84 của ông Triệu Thanh X (do bà Nguyễn Thị Ngọc L1 đứng tên chủ xe), trị giá 10.500.000 đồng và ngày 23/01/2023, lấy trộm 01 xe mô tô biển số 63P1-287.94, của anh Nguyễn Tiến Đ (do anh Lê Ngọc H3 đứng tên chủ xe), trị giá 23.333.000 đồng. Tổng giá trị tài sản mà bị cáo H và H1 chiếm đoạt là 48.999.000 đồng *(Bốn mươi tám triệu*

chín trăm chín mươi chín ngàn đồng), tức trên 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng. Nên hành vi của bị cáo H1 đã cấu thành tội *"Trộm cắp tài sản"* tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Đối với bị cáo H là người đã có 03 (ba) tiền án, cụ thể: Ngày 30/3/2010, bị Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Tp. HC xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"*, chấp hành xong hình phạt tù ngày 10/3/2012; Ngày 10/02/2015, bị Tòa án nhân dân Quận 9, Tp. HC xử phạt 02 năm tù về tội *"Trộm cắp tài sản"*, chấp hành xong hình phạt tù ngày 06/7/2016 và Ngày 26/01/2018, bị Tòa án nhân dân Quận 9, Tp. HC xử phạt 02 năm tù về tội *"Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có"*, chấp hành xong hình phạt tù ngày 29/9/2019, chưa được xóa án tích do chưa đóng án phí hình sự sơ thẩm. Nên lần phạm tội này của bị cáo H thuộc Tr hợp tái phạm nguy hiểm theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 53 Bộ luật hình sự. Nên thuộc Tr hợp định khung hình phạt là *"Tái phạm nguy hiểm"* theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[3] Việc hai bị cáo khi thực hiện hành vi phạm tội, tuy có bàn bạc, thống nhất ý chí, nH không có sự phân công, cấu kết chặt chẽ nên không xem xét đến tình tiết định khung hình phạt là phạm tội có tổ chức.

[4] Hành vi phạm tội của hai bị cáo được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự an toàn xã hội, gây mất an ninh tại địa phương. Hai bị cáo nhận thức được hành vi lén lút lấy trộm tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nH vẫn cố ý thực hiện tội phạm. Do đó hành vi phạm tội của hai bị cáo cần phải được xử lý thỏa đáng mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[5] Trong vụ án cũng cần xem xét đến các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tính chất, mức độ hành vi phạm tội, cũng như nhân thân của từng bị cáo khi lượng hình:

[5.1] Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với hai bị cáo: bị cáo H và H1 đã thực hiện hành vi *"Trộm cắp tài sản"* 03 lần và mỗi lần đều trên 2.000.000 đồng, đủ yếu tố cấu thành tội phạm, là tình tiết tăng nặng *"phạm tội 02 lần trở lên"* theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[5.2] Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với hai bị cáo: trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hai bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; quá trình điều tra đã tự thú, tự nguyện khai ra lần phạm tội trước đó, đây là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đối với bị cáo H1 khi thực hiện hành vi phạm tội là phụ nữ có thai, nên được hưởng tình tiết giảm

nhẹ theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Hiện bị cáo H1 đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi (con sinh ngày 09/02/2023), nên còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5.3] Trong vụ án, bị cáo H là người chuẩn bị công cụ, phương tiện, đề xuất, rủ rê, là người thực hành và tiêu thụ tài sản phạm tội mà có. Bị cáo H1 là người giúp sức tích cực, thể hiện ở hành vi đứng cảnh giới cho bị cáo H thực hiện hành vi phạm tội. Xét về nhân thân, cả hai bị cáo vào ngày 30/3/2023, bị Công an huyện Cần Đước, tỉnh LA khởi tố về hành vi *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"* vụ án đang trong giai đoạn điều tra.

[6] Xét thấy cần cách ly hai bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội. Xét thấy hiện áp dụng hình phạt tù cũng đủ răn đe, không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với hai bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[7] Đối với đối tượng là một người đàn ông không rõ nhân thân đã hai lần mua xe do bị cáo H trộm vào ngày 18/11/2022 và ngày 23/12/2022, nH hiện chưa xác minh được, nên không có căn cứ để xem xét xử lý.

[8] Về tang vật thu giữ: Căn cứ quy định tại Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật hình sự để xử lý tang vật thu giữ:

[8.1] Đối với 04 (bốn) đoản lục giác bằng kim loại; 01 (một) đoạn tứ giác bằng kim loại màu vàng; 01 (một) cần bằng kim loại màu đen-trắng. Đây là công cụ do bị cáo H tự chế để thực hiện hành vi phạm tội. Xét thấy không có giá trị sử dụng, nên tịch thu tiêu hủy.

[8.2] Đối với 01 (một) xe môtô hiệu Honda, loại Winner, biển số: 59S3-346.87 do bị cáo H đứng tên chủ xe, là chủ sở hữu và hai bị cáo sử dụng xe mô tô này để làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội, nên tịch thu sung nộp ngân sách Nhà nước.

[8.3] Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an huyện CG đã tạm giữ và hoàn trả cho người có quyền L và nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Lê Ngọc H3 01 (một) xe môtô hiệu Honda, loại Future FI, biển số 63P1-287.94 là tài sản hợp pháp của anh H3, là phù hợp. Do xe mô tô này của anh H3 đang cầm cố cho anh Đ và anh Đ sử dụng xe thì bị hai bị cáo lấy trộm.

[9] Về trách nhiệm dân sự: người bị hại anh Nguyễn Tiến Đ, tại phiên tòa vắng mặt, nH theo H3 sơ thể hiện anh Đ không có yêu cầu *(bút lục 157)*, nên không xem xét. Đối với bị hại ông Triệu Thanh X tại phiên tòa vắng mặt, nH theo H3 sơ thể hiện ông X yêu cầu *(bút lục 219)* hai bị cáo phải bồi thường số tiền 10.500.000 đồng (mười triệu năm trăm ngàn đồng) và bị hại bà Lê Thị Ngh, tại phiên tòa yêu cầu hai bị cáo

phải bồi thường số tiền 15.166.000 đồng (mười lăm triệu một trăm sáu mươi sáu ngàn đồng), là giá trị 02 (hai xe mô tô) không thu H3i được. Trước yêu cầu của hai bị hại, bị cáo H và H1 đồng ý, nên ghi nhận.

[10] Về án phí: mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm và phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền còn phải bồi thường cho hai bị hại là 25.666.000 đồng theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Võ H và Trần Thị H1 cùng phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Võ H 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 24/01/2023.

Căn cứ Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự. Tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án (14/7/2023) để đảm bảo việc kháng cáo, kháng nghị và thi hành án.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm n, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Trần Thị H1 01 (một) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt thi hành án.

Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật hình sự. Về tang vật:

Tịch thu tiêu hủy: 04 (bốn) đoản lục giác bằng kim loại; 01 (một) đoạn tứ giác bằng kim loại màu vàng; 01 (một) cần bằng kim loại màu đen-trắng;

Tịch thu sung nộp ngân sách Nhà nước: 01 (một) xe môtô hiệu Honda, loại Winner, biển số: 59S3-346.87

Hiện vật chứng Chi cục thi hành án dân sự huyện CG đang tạm giữ theo Quyết định chuyển vật chứng số 42/QĐ-VKSCG, ngày 19 tháng 6 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện CG.

Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584; 585; 586; Điều 589; Điều 357; Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về trách nhiệm dân sự: buộc bị cáo Võ H và Trần Thị H1 phải liên đới bồi thường cho ông Triệu Thanh X số tiền 10.500.000 đồng (mười triệu năm trăm ngàn đồng) và bà Lê Thị Ngh số tiền 15.166.000 đồng (mười lăm triệu một trăm sáu mươi sáu ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất pháp luật quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự, trừ Tr hợp pháp luật có quy định khác

Về án phí: mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và liên đới chịu 1.283.300 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Tr hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho bị cáo, người bị hại có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền L, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống Đ hợp lệ.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

NGUYỄN ĐỨC BẢO

Nơi nhận:
-TAND tỉnh LA;
-VKSND huyện CG;
-CA huyện CG;
-THADS huyện CG;
-Bị cáo; đương sự;
-Lưu H3 sơ;
-Lưu án văn.

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CG
TỈNH LA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

CG, ngày 14 tháng 7 năm 2023

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào H3i 10 giờ 45 phút ngày 14 tháng 7 năm 2023.
Tại: trụ sở Tòa án nhân dân huyện CG, tỉnh LA.

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Bảo.

Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Công Danh.

Ông Nguyễn Minh Chí.

Tiến hành nghị án vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 66/2023/TLST-HS, ngày 19/6/2023 đối với bị cáo: Võ H và Trần Thị H1.

Căn cứ vào Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ vào các chứng cứ vào tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

1.Về tội danh:

Bị cáo Võ H và Trần Thị H1 cùng phạm tội *"Trộm cắp tài sản".*

Kết quả biểu quyết: 3/3.

2. Về Điều luật áp dụng:

Đối với bị cáo Võ H: Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 173; điểm r, s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo Trần Thị H1: Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm n, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 Bộ luật hình sự.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

3. Về hình phạt:

Xử phạt: Võ H 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 24/01/2023.

Căn cứ Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự. Tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án (14/7/2023) để đảm bảo việc kháng cáo, kháng nghị và thi hành án.

Xử phạt: Trần Thị H1 01 (một) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bắt thi hành án.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

4. Các vấn đề khác:

Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584; 585; 586; Điều 589; Điều 357; Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về trách nhiệm dân sự: buộc bị cáo Võ H và Trần Thị H1 phải liên đới bồi thường cho ông Triệu Thanh X số tiền 10.500.000 đồng (mười triệu năm trăm ngàn đồng) và bà Lê Thị Ngh số tiền 15.166.000 đồng (mười lăm triệu một trăm sáu mươi sáu ngàn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất pháp luật quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự, trừ Tr hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí: mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và liên đới chịu 1.283.300 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Tr hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho bị cáo, người bị hại có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền L, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống Đ hợp lệ.

Kết quả biểu quyết: 3/3.

Nghị án kết thúc vào H3i 11 giờ 00 phút, cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên của Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

HỘI THẨM NHÂN DÂN **CHỦ TỌA**

NGUYỄN CÔNG DANH – NGUYỄN MINH CHÍ **NGUYỄN ĐỨC BẢO**